

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-PT
Ngày: 13-01-2022
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 191/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị M; sinh năm 1959; cư trú tại: Xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Đình T; sinh năm 1960; cư trú tại: Xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi nghĩa, vụ liên quan:*

1. Ông Đặng Văn Th; sinh năm 1966;

2. Ông Đặng Đình H; sinh năm 1972;

3. Bà Đặng Thị N; sinh năm 1978;

Cùng cư trú tại: Xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đặng Đình H: Bà Đặng Thị N

4. Bà Đặng Thị M1; sinh năm 1964; cư trú tại: Xóm 2, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định.

5. Bà Đặng Thị M2; sinh năm 1974; cư trú tại: Xóm 5, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đặng Thị M1 và bà Đặng Thị M2: Bà Đặng Thị M.

- *Người kháng cáo: Ông Đặng Đình T là bị đơn trong vụ án.*

Tại phiên tòa: Có mặt bà M, ông T, bà N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng bà Đặng Thị M là nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị M1 và bà Đặng Thị M2 trình bày: Cụ Đặng Đình M (chết ngày 03-5-1996) và cụ Đặng Thị G (chết ngày 02-10-2009) có 06 người con chung gồm: Bà là Đặng Thị M; ông Đặng Đình T; bà Đặng Thị M1; ông Đặng Văn Th; ông Đặng Đình H và bà Đặng Thị M2. Cụ M và cụ G khi chết không để lại di chúc và còn các tài sản sau: 285m² ao nuôi cá thuộc thửa số 73, tờ bản đồ số 9, sau khi cụ G chết ông Đặng Đình T là người quản lý và diện tích 334m² đất (gồm 269m² đất ở và 65m² đất vườn tạp) ở xóm 3, xã M1 thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 11 do ông Đặng Đình H quản lý. Cả hai thửa đất đều được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) ngày 23-12-1997 mang tên Đặng Đình M. Đối với ba người con trai, khi bố mẹ còn sống đã cho ông T 180m² ao, ông T vượt lập thành đất ở làm nhà trên đất và đã được cấp GCNQSDĐ mang tên ông T. Ông Th được bố mẹ cho một thửa đất sau đó ông Th đã bán, còn vợ chồng ông H thì ở cùng bố mẹ trên thửa đất số 104, tờ bản đồ số 11 và vợ chồng ông H đã làm nhà ở trên đất. Phần đất ao còn lại khi còn sống cụ Giữa có nói cho ba người con gái, nhưng ông T không chấp nhận. Vì vậy, nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án chia thừa kế quyền sử dụng 285m² ao. Bà, bà M1 và bà M2 tự nguyện gộp kỹ phần được hưởng từ diện tích đất ao để sử dụng chung. Đối với việc ông T yêu cầu Tòa án chia thừa kế diện tích đất ông Đặng Đình H đã làm nhà thì bà và bà M1, bà M2 tự nguyện sau khi trừ đi giá trị đất ao các bà được hưởng, phần còn lại thuộc đất ông H đang quản lý các bà tự nguyện cho ông Hưng.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Đặng Đình T là bị đơn trình bày: Về thời điểm bố mẹ mất, tài sản để lại và các con của cụ M, cụ G ông nhất trí như bà M trình bày. Ông đồng ý với việc bà M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất ao 285m² của cụ M và cụ G hiện ông đang quản lý. Tuy nhiên, đối với thửa đất ông Đặng Đình H đang quản lý hiện vẫn mang tên bố ông là Đặng Đình M, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật và ông xin nhận thừa kế bằng hiện vật.

Quá trình tham gia tố tụng bà Đặng Thị N người đại diện theo uỷ quyền của ông Đặng Đình H trình bày: Về ngày bố mẹ mất và các con của cụ M, cụ G bà nhất trí như bà M trình bày. Theo GCNQSDĐ cấp cho hộ cụ Đặng Đình M có 285m² ao

nuôi cá thuộc thửa số 73, tờ bản đồ số 9, hiện ông Đặng Đình T quản lý. Còn diện tích 334m² đất thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 11 gồm 269m² đất ở và 65m² đất vườn tạp bà và ông H là người quản lý từ năm 2009 sau khi cụ G chết, vợ chồng ông bà đã xây nhà mái bằng và bếp trên đất. Nên đối với 285m² đất ao ông H xin nhận kỷ phần thừa kế nhưng cho lại các bà Đặng Thị M, Đặng Thị M1, Đặng Thị M2 được quyền sử dụng, còn đối với 269m² đất ở và 65m² đất vườn tạp ông H xin nhận thừa kế bằng hiện vật và nhất trí chia bằng hiện vật cho các thừa kế khác, nếu phần đất được chia cho các thừa kế khác mà trên đó có các vật kiến trúc của vợ chồng ông bà thì các đồng thừa kế khác phải đền bù lại giá trị tài sản trên đất cho vợ chồng ông bà.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định:

Căn cứ các Điều 147, 157, 165, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 611, 612, 623, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị M, ông Đặng Đình T về việc phân chia di sản thừa kế mà vợ chồng cụ Đặng Đình M cụ Đặng Thị G để lại gồm diện tích 285m² ao nuôi cá thuộc thửa số 73, tờ bản đồ số 9 và diện tích 319,2 m² đất thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 11 gồm 254,2m² đất ở và 65m² đất vườn tạp ở xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định đã được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đặng Đình M ngày 23-12-1997;

2. Giao cho bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị M2, bà Đặng Thị M1 được quyền sử dụng chung diện tích 285m² ao thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 9 tại xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định;

3. Giao cho ông Đặng Đình T được quyền sử dụng diện tích 45,125m² đất ở thuộc một phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số 11 tại xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định;

4. Giao cho ông Đặng Đình H được quyền sử dụng tổng diện tích đất 246,875m² trong đó đất ở là 181,875m², đất vườn là 65 m² thuộc một phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số 11 tại xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định;

5. Xác định diện tích 27,2 m² đất ở để làm lối đi chung của những người được hưởng di sản thừa kế thuộc một phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số 11 tại xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định;

(Có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ hoàn lại tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá và các vấn đề liên quan khác.

Ngày 12-10-2021 ông Đặng Đình T là nguyên đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm vì đã vi phạm pháp luật, không khách quan, chia cho ông 45,125m² đất ở thuộc một phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số 11, không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, không chia đất ao cho ông trong khi

ông đang có nhu cầu sử dụng thiết yếu và đang sinh sống tại thửa đất giáp cạnh với đất ao, cấp sơ thẩm chia đất ao cho bà M, bà M2, bà M1 trong khi đều đã có nhà đất ổn định, cách xa thửa đất ao, không có nhu cầu sử dụng bức thiết đối với đất ao. Vì vậy, ông đề nghị cấp phúc thẩm chia lại hiện vật bảo đảm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người sử dụng và đủ điều kiện để có thể đăng ký quyền sử dụng đất, đề nghị chia thừa kế đất ao cho ông theo đúng quy định, nếu diện tích đất ở không đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ thì đề nghị Tòa án đổi trừ vào diện tích đất ao ông được chia cho đủ hoặc ông xin nhận toàn bộ kỷ phần thừa kế là đất ao.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Trước đây có việc bố mẹ cho đất các con trai, ông được bố mẹ cắt cho 180m² đất ao, ông đã phải tự vượt lập làm nhà ra ở riêng, còn ông Th được cho trên 300m² đất ở, ông H thì sử dụng thửa đất của bố mẹ, suốt bao nhiêu năm ông không có ý kiến gì, nay bà M khởi kiện yêu cầu chia đất ao ông nhất trí, do ông H ủng hộ việc khởi kiện của bà M, nên ông yêu cầu chia thừa kế thửa đất ông H đang sử dụng vì GCNQSDĐ vẫn mang tên bố ông. Như vậy, tính về đất mỗi kỷ phần sẽ được chia 45m² đất ở và 45m² đất ao, ông xin được hưởng thừa kế đúng kỷ phần bằng đất của cả hai thửa, hoặc chia cho ông toàn bộ bằng đất ao. Về diện tích đất ao trước đây khi bố mẹ ông mua có diện tích bao nhiêu ông không biết, ông chỉ biết bố mẹ cho ông 180m² ông đang sử dụng đã được cấp GCNQSDĐ, nên không đề cập đến nữa, còn lại 285m² được cấp GCNQSDĐ mang tên bố ông.

Bà M, bà N cùng trình bày: Trước đây bố mẹ đã chia đất cho các con trai, thửa đất ông H đang sử dụng đúng ra là tiêu chuẩn được chia của ông H, do ông H không chuyển tên GCNQSDĐ nên cấp sơ thẩm xác định là di sản và chia thừa kế ông H cũng chấp nhận, nay đã tìm thấy giấy mua bán đất ao trước đây của bố mẹ thể hiện ban đầu đất ao có diện tích 720m², chứng tỏ ông T đang sử dụng trên thực tế diện tích đất ao nhiều hơn nhiều so với diện tích 180m² được bố mẹ cho và ông T đã được cấp GCNQSDĐ, ông T đã cố tình đòi cho bằng được một phần diện tích thửa đất ông H đang sử dụng, đã được cấp sơ thẩm chấp nhận thì nay cứ giữ nguyên việc chia đất của cấp sơ thẩm, các bà không nhất trí đổi đất ao cho ông T, nếu ông T còn không nhất trí, các bà sẽ đề nghị đo đạc lại phần đất ông T đang sử dụng, khi đó ông T chỉ được sử dụng đúng 180m², phần diện tích nhiều hơn vẫn là di sản của bố mẹ để lại, các con đều có quyền hưởng thừa kế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng di sản thừa kế, diện người được hưởng thừa kế và chia thừa kế đảm bảo quyền được nhận thừa kế bằng hiện vật cho các đương sự, nên kháng cáo của ông T không có cơ sở chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với ông Đặng Văn Th Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành báo gọi nhiều lần, nhưng ông Th từ chối nhận giấy triệu tập, không ký biên bản với lý do ông không có liên quan, cũng không đồng tình với việc khởi kiện của bà M và ông T, từ chối hưởng thừa kế di sản, cấp sơ thẩm đã xét xử vắng mặt, giao kỷ phần thừa kế của ông Th cho ông H quản lý, nếu ông Th có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết sau là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm nhưng ông Th vẫn giữ nguyên quan điểm là do ông không có tranh chấp kiện tụng gì liên quan đến vụ việc nên ông không nhận giấy triệu tập, cũng không ký vào biên bản giao nhận, nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông T thì thấy: Việc cấp sơ thẩm chia cho ông T 45,125m² đất ở thuộc một phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số 11, có nguồn gốc của gia đình do ông T là con trai trưởng là phù hợp với pháp luật cũng như phong tục tập quán, đồng thời phù hợp với chính quan điểm đề xuất của ông T là có căn cứ.

[3] Việc ông T cho rằng diện tích đất 45,125m² đất ở ông được chia sẽ không đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ không được chấp nhận vì tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành quy định về diện tích tối thiểu được phép tách thửa các loại đất trên địa bàn tỉnh Nam Định quy định những trường hợp không áp dụng quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa, trong đó có trường hợp “Tách thửa khi thực hiện Bản án hoặc Quyết định của Tòa án nhân dân, Quyết định thi hành án của cơ quan Thi hành án”. Như vậy, ông T hoàn toàn có đủ điều kiện để được đăng ký cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất 45,125m² đất ở được chia thừa kế theo Bản án. Đồng thời, do giá trị mỗi kỷ phần thừa kế là 27.075.000đồng, nên cấp sơ thẩm chia hiện vật cho ông T hoàn toàn là đất ở dồn vào một thửa, không chia đất ao cho ông T để diện tích không quá nhỏ là phù hợp. Hơn nữa xét về quyền lợi của ông T đối với di sản của bố mẹ để lại, đặc biệt đối với thửa đất ao đã được bảo đảm vì căn cứ lời khai các đương sự, nội dung xác nhận của chính ông T và Bản đồ địa chính thể hiện thửa đất ao trước đây là thửa số 73 có tổng diện tích 465m² đã tách cho ông T làm nhà 180m², còn lại 285m².

[4] Về quan điểm của ông T cho rằng cấp sơ thẩm chia đất ao cho bà M, bà Mừng, bà M1 trong khi đã có nhà đất ổn định, cách xa thửa đất ao, không có nhu cầu sử dụng bức thiết đối với đất ao là không đúng thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật”, như vậy theo quy định của pháp luật chỉ chia thừa kế bằng giá trị trong trường hợp không thể chia được bằng hiện vật. Trong khi đó di sản của cụ M và cụ G để lại rõ ràng có thể phân chia bằng hiện vật, nên, quan điểm này của ông T là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Tuy nhiên, hiện tại toàn bộ đất ao đang do ông T quản lý, toàn bộ diện tích đất ở, đất vườn đang do vợ chồng ông Hưng, bà N quản lý cấp sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ bàn giao quyền sử dụng đất cho người được thi hành án là không đủ điều kiện để ra quyết định thi hành bản án theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18-7-2015 của Chính phủ quy định chi tiết và

hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự, cấp phúc thẩm cần bổ sung và rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi có đơn trình bày và đề nghị nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Đình T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 147, 157, 165, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 611, 612, 623, 650, 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013,

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị M, ông Đặng Đình T về việc phân chia di sản thừa kế mà vợ chồng cụ Đặng Đình M, cụ Đặng Thị G để lại gồm diện tích 285m² ao nuôi cá thuộc thửa số 73, tờ bản đồ số 9 và diện tích 319,2 m² đất thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 11 gồm 254,2m² đất ở và 65m² đất vườn tạp ở xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định đã được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đặng Đình M ngày 23-12-1997;

2. Giao cho bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị M2, bà Đặng Thị M1 được quyền sử dụng chung diện tích 285m² ao thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 9 tại xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định;

3. Giao cho ông Đặng Đình T được quyền sử dụng diện tích 45,125m² đất ở thuộc một phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số 11 tại xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định;

4. Giao cho ông Đặng Đình H được quyền sử dụng tổng diện tích đất 246,875m² trong đó đất ở là 181,875m², đất vườn là 65 m² thuộc một phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số 11 tại xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định;

5. Xác định diện tích 27,2 m² đất ở để làm lối đi chung của những người được hưởng di sản thừa kế thuộc một phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số 11 tại xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định

(Có sơ đồ kèm theo);

Ông Đặng Đình H và bà Đặng Thị N có nghĩa vụ di chuyển tài sản, cây cối trên đất, giải phóng mặt bằng bàn giao lại cho ông Đặng Đình T quyền sử dụng diện tích 45,125m² đất ở thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 11 tại xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định và giao lại diện tích 27,2 m² đất ở thuộc thửa số 104, tờ bản đồ

số 11 tại xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định để làm lối đi chung cho những người được chia thừa kế tại thửa đất này;

Ông Đặng Đình T có nghĩa vụ bàn giao cho bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị M2, bà Đặng Thị M1 quyền sử dụng diện tích 285m² ao thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 9 tại xóm 3, xã M1, huyện M, tỉnh Nam Định.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho các đương sự theo quyết định của bản án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đặng Đình T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND+VKSND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện M;
- Chi cục THA huyện M;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết